***- Tuần*** *………*

*-* ***Ngày soạn****: …………………*

***- PPCT****: Tiết ……………………*

**BÀI 28. KHAI THÁC THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ Ở TÂY NGUYÊN**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Về kiến thức

– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

– Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.

– Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh ở Tây Nguyên.

## – Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.

## 2. Về năng lực

***\* Năng lực chung:***

- Tự chủ và tự học: thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân số và phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.

- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động nhận xét, đánh giá thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

***\* Năng lực đặc thù***

*- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:*

+ Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí phân bố của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân số và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.

*- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí:*

+ Giải thích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

+ Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

*- Sử dụng các công cụ địa lí học:*

+ Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, dân số và phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.

+ Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

+ Thực hiện được một số tính toán đơn giản; nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê.

*- Khai thác Internet phục vụ môn học:* Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

*- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế:*

+ Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập số liệu về phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.

+ Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch ở Tây Nguyên.

3. Về phẩm chất

*- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống, tính chất công việc đã chọn.

*- Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực:* trung thực trong học tập.

# *- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

## 1. Giáo viên

- Atlat Địa lí Việt Nam.

- Sách giáo khoa.

- Đồ dùng tổ chức hoạt động nhóm.

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam

- Hình ảnh, video,… về phát triển cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, du lịch ở Tây Nguyên.

- Các bản đồ tự nhiên và kinh tế Tây Nguyên.

- Máy chiếu, giấy A0,…

# - Tư liệu: Phát triển KT-XH gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng địa bàn Tây Nguyên

+ <https://www.youtube.com/watch?v=If5DR3oYh_4>

+ <https://short.com.vn/56o3>

+ <https://short.com.vn/3Tgb>

## 2. Học sinh

- Atlat Địa lí Việt Nam.

- SGK, dụng cụ học tập cần thiết: giấy note, bút nhiều màu, thước kẻ, máy tính cầm tay, smartphone (nếu có)…

- Tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

# Hoạt động 1: Khởi động (3-5 phút)

## 1. Mục tiêu

- Tìm được những địa điểm du lịch, đặc sản của các tỉnh ở Tây Nguyên.

*-* Tạo hứng thú cho HS vào bài học.

- Kết nối kiến thức bài mới

## 2. Nội dung

Trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”

## **3**. Sản phẩm

HS tham gia trò chơi tích cực.

Các từ khóa đoán đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ khóa** | **Thuộc tỉnh** |
| Ngã ba Đông Dương | Kon tum |
| Bò một nắng | Gia Lai |
| Cà phê | Đắc lắk |
| Tà Đùng | Đắk Nông |
| Đà Lạt | Lâm Đồng |

## 4. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

*Luật chơi:*

- Luật chơi: Có 10 hình ảnh tương ứng với 10 từ khóa. Người chơi sẽ dựa vào hình ảnh để đoán từ khóa. Mỗi từ khóa đúng được 10 điểm.

- Thời gian: 30 giây/từ khóa.

*Gợi ý: Từ khóa liên quan đến những địa danh, đặc sản, đặc trưng, biểu tượng của các tỉnh ở Tây Nguyên (nếu HS yếu).*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi

- GV lần lượt chiếu từng hình ảnh cho HS giơ tay đoán từ khóa.

- 1 Thư ký ghi danh sách HS đoán đúng.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Các từ khóa này có điểm gì giống nhau? (Đều thuộc vùng Tây Nguyên)

**\* Kết luận, nhận định:**

GV giới thiệu 1 vài địa điểm và kết nối chuyển qua nội dung mới

***Ngã ba Đông Dương***

*Ngã ba Đông Dương huyền thoại là điểm tiếp giáp giữa 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Đây là nơi mà dân phượt vẫn truyền tai nhau về câu chuyện “một con gà gáy, cả 3 nước cùng nghe”. Để có thể tới được ngã ba Đông Dương, du khách sẽ phải vượt qua một hành trình khá khó khăn với những con đường ngoằn ngoèo, quanh co.*

*Khi đặt chân lên vùng biên giới qua những bậc thang là chạm tay vào cột mốc làm bằng đá hoa cương, cao 2m, nặng gần 900kg, được đặt trên độ cao 1.086m là một trong hai cột mốc biên giới ghi danh ba quốc gia Lào – Việt Nam – Campuchia. Cột mốc hình tam giác, mỗi mặt quay về phần lãnh thổ của quốc gia đó với hình quốc huy trang trọng.*



# Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1. Khái quát vùng Tây Nguyên

**1. Mục tiêu**

– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

**2. Nội dung**

Trò chơi “Siêu trí tuệ lớp 12”. Đọc thông tin và điền vào dấu chấm.

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Gồm: **……**(1) **….** tỉnh.

- Diện tích:**………** (2) **………..** nghìn km²

- Tiếp giáp: **…**(3) **…..** nước láng giềng, **……**(4) **…….** vùng.

- Có vị trí **………**(5) **…………** về quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế, giao thương trong nước và thế giới.

**2. Dân số**

- Qui mô: **………**(6) **……….** triệu người.

- Mật độ dân số: **……**(7) **……….** người/km².

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên: **………**(8)……**%.**

- Tỉ lệ dân thành thị: **……**(9) **……..%.**

- Dân tộc: **……………**(10) **……………..**

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

(1) **5** (8) **1,25**

(2) **hơn 54,5** (9) **28,9**

(3) **2** (10) **có nhiều dân tộc cùng chung sống**

(4) **3**

(5) **đặc biệt quan trọng**

(6) **khoảng 6**

(7) **111**

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Cá nhân đọc 1 phút phần I sau đó gấp sách lại.

- GV chiếu bảng điền khuyết. Gọi ngẫu nhiên HS điền kiến thức đọc được vào dấu chấm.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Bước 1: Cá nhân đọc 1 phút phần I. GV nhờ 1 bạn làm thư ký ghi đáp án lên bảng, GV quan sát lớp.

- Bước 2: Gấp sách lại, chờ hiệu lệnh.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV chiếu bảng thông tin và lần lượt gọi HS điền vào dấu chấm. Sau hiệu lệnh “bắt đầu” (Lưu ý: GV nên gọi nhiều HS trả lời)

- Thư ký ghi kết quả lên bảng

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Gồm: **5** tỉnh.

- Diện tích: **hơn 54,5** nghìn km²

- Tiếp giáp: **2** nước láng giềng, **3** vùng.

- Có vị trí **đặc biệt quan trọng** về quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế, giao thương trong nước và thế giới.

**2. Dân số**

- Qui mô: **khoảng 6** triệu người

- Mật độ dân số: người/km².

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên: **1,25%.**

- Tỉ lệ dân thành thị: **28,9%.**

- Dân tộc: **có nhiều dân tộc cùng chung sống**

### Hoạt động 2.2. Khai thác các thế mạnh, hạn chế ở vùng Tây Nguyên

**1. Mục tiêu**

– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.

– Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.

## – Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.

**2. Nội dung**

Hình thành 5 trạm học tập:

* **Trạm 1: Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.** **Phát triển cây công nghiệp lâu năm** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh |  |
| Hạn chế |  |
| **b) Hiện trạng phát triển** | |  |

*Dựa vào thông tin mục 1 và hình 28.1, hãy:*

*- Phân tích thế mạnh, hạn chế đối với phát triển cây CN lâu năm ở vùng Tây Nguyên.*

*- Trình bày hiện trạng phát triển cây CN lâu năm ở vùng Tây Nguyên.*

* **Trạm 2: Phát triển lâm nghiệp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2.** **Phát triển lâm nghiệp** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh |  |
| Hạn chế |  |
| **b) Hiện trạng phát triển** | |  |

*Dựa vào thông tin mục 2 và hình 28.1, 28.2, hãy:*

*- Phân tích thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp ở vùng Tây Nguyên.*

*- Trình bày hiện trạng phát triển lâm nghiệp ở vùng Tây Nguyên.*

* **Trạm 3:** **Phát triển thủy điện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.** **Phát triển thủy điện** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh |  |
| Hạn chế |  |
| **b) Hiện trạng phát triển** | |  |

*Dựa vào thông tin mục 3 và hình 28.1, 28.2, hãy:*

*- Phân tích thế mạnh, hạn chế đối với phát triển thủy điện ở vùng Tây Nguyên.*

*- Trình bày hiện trạng phát triển thủy điện ở vùng Tây Nguyên.*

* **Trạm 4: Khai thác bô xít**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4.** **Khai thác bô xít** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh |  |
| Hạn chế |  |
| **b) Hiện trạng phát triển** | |  |

*Dựa vào thông tin mục 4 và hình 28.1, 28.2, hãy:*

*- Phân tích thế mạnh, hạn chế đối với khai thác bô xít ở vùng Tây Nguyên.*

*- Trình bày hiện trạng khai thác bô xít ở vùng Tây Nguyên.*

* **Trạm 5: Phát triển du lịch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5.** **Phát triển du lịch** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh |  |
| Hạn chế |  |
| **b) Hiện trạng phát triển** | |  |

*Dựa vào thông tin mục 5 và hình 28.1, 28.2, hãy:*

*- Phân tích thế mạnh, hạn chế đối với phát triển du lịch ở vùng Tây Nguyên.*

*- Trình bày hiện trạng phát triển du lịch ở vùng Tây Nguyên.*

**3. Sản phẩm**

5 SP PHT của HS (phụ lục)

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Chia 5 nhóm ở vị trí 5 trạm

- Các trạm trưởng nhận PHT và điều hành các thành viên thảo luận và hoàn thành PHT của mình:

- Thời gian làm việc cho mỗi nhóm trên mỗi trạm là 6 phút.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**- Bước 1**: Các trạm về vị trí và thực hiện nhiệm vụ.

**- Bước 2:** ghép nhóm mới (giống vòng 2 của kỹ thuật mảnh ghép)

Ví dụ ghép 5 nhóm

+ Thành viên trong trạm tự đánh STT (1,2,3,4,5…, 1,2,3…)

+ Các thành viên có cùng STT ghép lại thành nhóm mới.

**- Bước 3**: thành viên của các trạm (trong nhóm mới) chia sẻ PHT. Vì lớp thường đông nên sẽ chọn PHT di chuyển, HS ngồi tại chỗ. Thời gian chia sẻ cho mỗi PHT ở mỗi trạm là 3 phút. Hết 3 phút nhóm trưởng sẽ cầm PHT di chuyển sang nhóm khác theo chiều kim đồng hồ. Cứ như thế cho đến khi chia sẻ hết 5 PHT.

- GV quan sát các nhóm làm việc trong mỗi trạm, có thể giúp đỡ nhóm yếu để các em hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV chọn ngẫu nhiên đại diện 5 nhóm báo cáo 5 PHT

- Các nhóm khác có thể bổ sung, phản biện (nếu có)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRẠM …**  **(điểm số đánh giá trên thang điểm 10)** | **ĐIỂM** |
| **10** |
| **1** | Giới thiệu tên Trạm (tên nhóm, thành viên) | … /1 |
| **2** | Nội dung (súc tích, đầy đủ, rõ ràng, cập nhật số liệu mới). | … /2 |
| **3** | Sáng tạo, có đầu tư | … /2 |
| **4** | Bố cục (hài hòa, thẩm mỹ, trực quan…) | … /2 |
| **5** | Trình bày lưu loát, tự tin, đúng thời gian | … /2 |
| **6** | Có sự phối hợp các thành viên. | … /1 |
| **TỔNG ĐIỂM** | | **… /10** |

**\* Kết luận, nhận định:**

GV tổng kết và chuẩn kiến thức ghi bài chuyển qua hoạt động khác

### Hoạt động 2.3. Ý nghĩa của việc phát triển KT-XH đối với quốc phòng an ninh

**1. Mục tiêu**

– Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh ở Tây Nguyên.

**2. Nội dung**

Xem video kết hợp thông tin trong bài, hãy:

Nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh ở Tây Nguyên.

<https://www.youtube.com/watch?v=If5DR3oYh_4>

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

|  |
| --- |
| **III. Ý NGHĨA CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUỐC PHÒNG AN NINH** |
| Nâng cao vị thế kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh:  - Tăng cường sự thông thương với Lào, CPC  - Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào các dân tộc. |

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- 02 HS hình thành 1 nhóm

- Xem video và note câu trả lời

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Bước 1: GV cho HS xem video và nêu câu hỏi

- Bước 2: HS thảo luận nhanh, note ý chính

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV chọn ngẫu nhiên 1 nhóm báo cáo

- Các nhóm khác có thể bổ sung, phản biện (nếu có)

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV tổ chức cho HS đánh giá chéo các nhóm

# Hoạt động 3: Luyện tập

**1. Mục tiêu**

- Củng cố lại kiến thức bài học

- Tạo không khí học tập vui nhộn, hữu ích

**2. Nội dung**

Trò chơi “GHÉP HÌNH”

Bộ câu hỏi:

**Câu 1.** Tây Nguyên tiếp giáp với các nước

**A.** Trung Quốc và Lào. **B.** Cam-pu-chia và Trung Quốc.

**C.** Lào và Cam-pu-chia. **D.** Mianma và Thái Lan.

**Câu 2.** Địa hình của Tây Nguyên chủ yếu là

**A.** đồi núi cao hiểm trở. **B.** cao nguyên xếp tầng.

**C.** đồng bằng nhỏ hẹp. **D.** thác ghềnh cheo leo.

**Câu 3.** Khó khăn tự nhiên lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** mùa khô kéo dài gây thiếu nước tưới cho cây trồng.

**B.** tầng đất badan dày khó thoát nước vào mùa mưa.

**C.** nhiều cao nguyên cao khó canh tác trên đất dốc.

**D.** thị trường có nhiều biến động gây bất ổn giá cả.

**Câu 4.** Đặc điểm phân bố của các nhà máy thủy điện của Tây nguyên

**A.** phân bố theo hướng nan quạt. **B.** phân bố theo các bậc thang.

**C.** phân bố rải rác trên các sông. **D.** phân bố tập trung dày đặc.

**Câu 5.** Hiện nay, Tây Nguyên có diện tích và độ che phủ rừng

**A.** lớn nhất cả nước. **B.** thấp nhất cả nước.

**C.** lớn thứ hai cả nước. **D.** lớn thứ ba cả nước.

**Câu 6.** Đâu là thế mạnh của Tây nguyên?

**A.** Phát triển cây hàng năm, thủy điện, khoáng sản, lúa gạo và du lịch.

**B.** Phát triển cây lâu năm, thủy điện, khoáng sản, lâm nghiệp và du lịch.

**C.** Phát triển rừng ngập mặn, than bùn, chăn nuôi gia cầm và du lịch.

**D.** Phát triển nông nghiệp, giao thông, khoáng sản, thủy sản và du lịch.

**3. Sản phẩm**

HS tham gia trò chơi, trả lời được 6 câu hỏi và ghép được hình ảnh **Khu dự trữ sinh quyển thế giới cao nguyên Kon Hà Nừng, huyện Mang Yang, Gia Lai.**

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Luật chơi:

Có 6 câu hỏi, tương ứng 6 mảnh ghép. Chọn ngẫu nhiên câu hỏi, trả lời đúng mảnh ghép hiện ra và nhận mảnh ghép, trả lời sai mất lượt. Lần lượt trả lời 6 câu, nhận được mảnh ghép và xếp lại thành bức tranh trong vòng 30 giây.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Chia lớp thành 4 tổ và cử 1 thư ký quan sát và bỏ mảnh ghép vào hộp của 4 tổ.

+ GV lần lượt gọi ngẫu nhiên 1 đại diện của tổ chọn câu hỏi.

+ Mỗi câu hỏi 4 tổ đều có cơ hội trả lời. Sau hiệu lệnh “HẾT” của GV, tất cả 4 tổ giơ đáp trả lời.

+ Trả lời đúng, nhận 1 mảnh ghép bỏ vào hộp của tổ.

+ Hết 6 câu, thư ký sẽ trao hộp mảnh ghép về cho các tổ ghép hình sau hiệu lệnh “BẮT ĐẦU” trong vòng 30 giây.

+ Tổ nào ghép đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

GV tổng kết trò chơi

**\* Kết luận, nhận định:**

GV thông tin thêm về hình ảnh ghép được và chuyển sang nội dung tiếp theo

***Em có biết?***

*Cao nguyên Kon Hà Nừng (huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai) được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc – UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới vào ngày 15/9/2021, trở thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới thứ hai ở khu vực Tây Nguyên.*

*(Khu dự trữ sinh quyển thế giới thứ nhất là Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang)*

# Hoạt động 4: Vận dụng/Mở rộng

**1. Mục tiêu**

Quảng bá được kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể “Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên”.

**2. Nội dung**

Thiết kế infographic/ Brochure để quảng bá “Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên”.

**3. Sản phẩm**

Infographic/ Brochure về “Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên”.

**4. Tiến trình hoạt động:**

**- Bước 1**: 4 HS/ nhóm (tự kết nối để lập nhóm)

**- Bước 2**: Nhóm nghiên cứu và thống nhất thiết kế Infographic hay Brochure

**- Bước 3**: Phân công các thành viên tìm kiếm thông tin, hình ảnh về “Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên”.

**- Bước** 4: Nhóm tiến hành thiết kế ở nhà. Thời hạn 1 tuần.

- Tiêu chí đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **5** | **4** | **3** | **2** | **1** |
| Nội dung | *Tính chính xác* | Đảm bảo chính xác | Tương đối chính xác, quên đưa thông tin năm được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại | Tương đối chính xác (quên ghi nguồn, chú thích hình ảnh) | Chưa chính xác mắc cả lỗi ở cột (4) và (3) | Thiếu sót nhiều thông tin cột (4), (3) và Chủ nhân của di sản văn hóa này |
| *Kiến thức* | Kiến thức trình bày ngắn gọn, rõ ràng, súc tích, dễ hiểu | Kiến thức trình bày khá ngắn gọn, rõ ràng, súc tích, dễ hiểu | Kiến thức trình bày còn dài dòng, nhưng tương đối dễ hiểu, dễ đọc | Kiến thức trình bày dài dòng, đọc lên còn khó hiểu | Kiến thức trình bày dài dòng, và khó hiểu, gây hiểu lầm kiến thức |
| *Sử dụng icon, biểu tượng* | Sử dụng các incon, biểu tượng phù hợp về với nội dung, có tính thu hút cao | Sử dụng các incon, biểu tượng khá phù hợp về với nội dung, thu hút | Sử dụng các incon, biểu tượng phù hợp về với nội dung, có một số cần điều chỉnh để cho hợp lí | Sử dụng các incon, biểu tượng chưa phù hợp về với nội dung, phải điều chỉnh nhiều | Sử dụng các incon, biểu tượng tùy tiện, không khớp, sai sót, quá lớn hoặc quá nhỏ. |
| Bố cục, màu sắc | *Bố cục* | Bố cục phân chia hài hòa. | Bố cục phân chia hợp lí. | Bố cục phân chia các nội dung tương đối hợp lí. | Bố cục chưa cân đối. | Mất cân đối lớn giữa các phần. |
| *Tiêu đề* | Tên tiêu đề chiếm tỉ lệ hợp lí, dễ đọc, thu hút.  Tên nhóm, thành viên vị trí phù hợp | Tên tiêu đề chiếm tỉ lệ hợp lí, dễ đọc, chưa thu hút. Tên nhóm, thành viên vị trí phù hợp | Tên tiêu đề chiếm tỉ lệ hợp lí, hơi khó đọc, không thu hút. Tên nhóm, thành viên vị trí chưa phù hợp | Tên tiêu đề chiếm tới 1/3 diện tích hoặc nhỏ, khó đọc, thiếu thu hút. Tên nhóm, thành viên sai vị trí | Tên tiêu đề chiếm phần lớn diện tích hoặc quá nhỏ, khó đọc, không thu hút. Tên nhóm, tên thành viên không có |
| *Màu sắc* | Màu sắc sử dụng hài hòa, phù hợp với nội dung thể hiện | Màu sắc sử dụng khá hài hòa, phù hợp với nội dung thể hiện | Màu sắc sử dụng chưa hài hòa, phù hợp với nội dung thể hiện, còn lòe loẹt | Màu sắc sử dụng tùy tiện, khó nhìn thấy rõ nội dung | Màu sắc có chất lượng kém, rối, tùy tiện, thiếu sự tương phản |

# V. PHỤ LỤC

**Tư liệu và thông tin phản hồi PHT các trạm**

* **Trạm 1: Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

**Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm**

**ở Tây Nguyên, năm 2021**

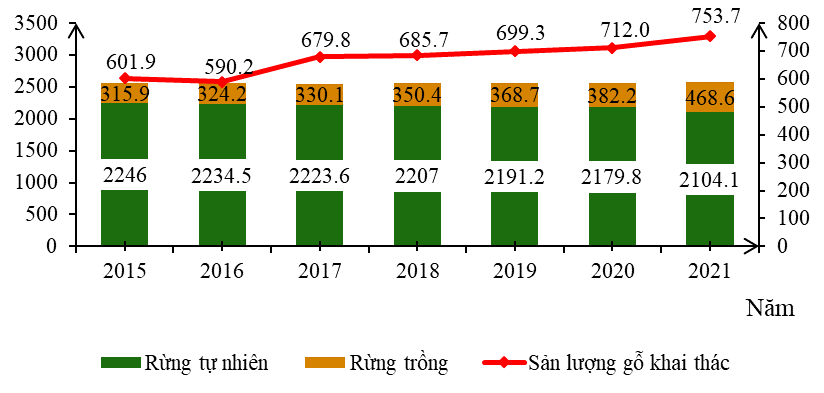
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Diện tích *(nghìn ha)* | Sản lượng *(nghìn tấn)* |
| Cao su | 232.2 | 287.7 |
| Cà phê | 657.4 | 1748.2 |
| Chè | 11.5 | 135.9 |
| Điều | 90.3 | 85.4 |
| Hồ tiêu | 83.5 | 200.8 |

*(Nguồn: Cục Thống kê các tỉnh của vùng Tây Nguyên, 2022)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.** **Phát triển cây công nghiệp lâu năm** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh | **\* Về tự nhiên:**  **- Địa hình và đất:**  + chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng, diện tích bề mặt khá rộng lớn, tương đối bằng phẳng.  + Diện tích đất badan lớn  => thuận lợi cho việc quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn.  **- Khí hậu:**  + Tính chất cận xích đạo gió mùa, phân theo độ cao và theo mùa -> canh tác thuận lợi và cơ cấu cây trồng đa dạng.  **- Nguồn nước:** dồi dào từ các hệ thống sông, các hồ tự nhiên, hồ thuỷ điện và nước ngầm 🡪cung cấp nước tưới cho SX và mùa khô.  **\* Về KT-XH**  **- Nguồn lao động:** có truyền thống và kinh nghiệm sản xuất cây công nghiệp. Trình độ ngày càng nâng cao.  **- Cơ sở vật chất – kĩ thuật:** được cải thiện, ứng dụng KH-CN vào sản xuất và chế biến cây công nghiệp  - **Thị trường:** trong và ngoài nước rộng lớn và ngày càng mở rộng. |
| Hạn chế | - Mùa khô kéo dài gây thiếu nước tưới cho cây trồng; những nơi địa hình dốc dễ bị rửa trôi, xói mòn.  - Cơ sở vật chất – kĩ thuật còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng hoá quy mô lớn.  - Thị trường có nhiều biến động. |
| **b) Hiện trạng phát triển** | | - Là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta (44,5% diện tích cả nước).  - Vùng đã ứng dụng công nghệ cao trong sx và cb cây công nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao.  - Cơ cấu cây công nghiệp trong vùng khá đa dạng:  **+ Cà phê:** Tây Nguyên là cây quan trọng số một, lớn nhất nước ta. Ứng dụng nhiều công nghệ mới, hiệu quả kinh tế cao. Trồng nhiều ở Đắk Lắk  **+ Cao su:** chiếm khoảng 25% diện tích cao su cả nước, trồng chủ yếu ở Gia Lai, Đắk Lắk.  + **Hồ tiêu:** đang phát triển mạnh, diện tích tăng, trồng nhiều ở Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai,...  + **Điều:** đang được chú trọng, mặt hàng XK có giá trị, trồng nhiều ở tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai.  - **Chè:** chủ yếu ở Lâm Đồng, chiếm 90% diện tích chè cả nước, đang ứng dụng công nghệ mới. |

* **Trạm 2: Phát triển lâm nghiệp**

*Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên, giai đoạn 2015 - 2021*



*Nghìn ha*

*Nghìn m3*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2.** **Phát triển lâm nghiệp** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh | - Diện tích và độ che phủ rừng khá lớn, 17,5% cả nước.  - Rừng có đa dạng sinh học cao, nhiề loại gỗ, dược liệu quý…, có nhiều vườn quốc gia.  - Khí hậu thuận lợi cho trồng, khoanh nuôi rừng tự nhiên.  - Có chính sách giao đất giao rừng, phát triển KT rừng🡪giữ gìn rừng tự nhiên và đẩy mạnh trồng rừng. |
| Hạn chế | Diện tích và chất lượng rừng có nguy cơ bị suy giảm. |
| **b) Hiện trạng phát triển** | | - Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác của vùng những năm qua tăng, chủ yếu ở Đắk Lắk. Ngoài ra còn khai thác măng, dược liệu…  - Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng: đang được chú trọng, nổi bật ở Gia Lai.  - Công tác quản lí, bảo vệ rừng: được tăng cường bảo vệ nghiêm ngặt. |

* **Trạm 3:** **Phát triển thủy điện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.** **Phát triển thủy điện** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh | - Có trữ năng thuỷ điện đứng thứ 2 cả nước.  - Tiềm năng thuỷ điện tập trung trên một số hệ thống sông chính  - Nhu cầu sử dụng ngày càng cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xây dựng và vận hành. |
| Hạn chế | Vào mùa khô, nhiều nhà máy thuỷ điện giảm công suất hoạt động do thiếu nước. |
| **b) Hiện trạng phát triển** | | - Sản lượng thủy điện chiếm khoảng 20% điện cả nước.  - Các nhà máy thủy điện đã xây dựng trên các sông (kể tên)  **\* Ý nghĩa:**  - Cung cấp nguồn điện thúc đẩy KT phát triển.  - Điều tiết, giữ mực nước ngầm, ngăn lũ lụt.  - Phát triển giao thông, nuôi trồng thuỷ sản và du lịch. |

* **Trạm 4: Khai thác bô xít**

**Sản lượng a-lu-min của Đắk Nông và Lâm Đồng, năm 2018 và 2021**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **2018** | **2021** |
| Đắk Nông | 647.7 | 719.9 |
| Lâm Đồng | 647.3 | 670.9 |
| Tổng | 1295.0 | 1390.8 |

*(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, 2022)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4.** **Khai thác bô xít** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh | - Có trữ lượng bô-xít lớn (gần 90% cả nước)  - Nhu cầu về a-lu-min và nhôm lớn 🡪 thúc đẩy khai hác và chế biến bô xít, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. |
| Hạn chế | - Việc khai thác ảnh hưởng đến môi trường.  - Địa hình đồi núi gây khó khăn cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp. |
| **b) Hiện trạng phát triển** | | - Phân bố chủ yếu Lâm Đồng, Đắk Nông  - Các nhà máy trong vùng sản xuất được 680 nghìn tấn a-lu-min.  - Hai cơ sở chế biến a-lu-min và bột nhôm là Tân Rai (LĐ) và Nhân Cơ (Đắk Nông).  - Phát triển công nghiệp khai thác bô-xít cần đi đôi với bảo vệ môi trường. |

* **Trạm 5: Phát triển du lịch**

*Số lượt khách và doanh thu du lịch lữ hành (theo giá hiện hành) ở Tây Nguyên,*

*năm 2015 và 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2022** |
| Số lượt khách *(nghìn lượt người)* | 4 446 | 13 171 |
| Doanh thu du lịch lữ hành *(tỉ đồng)* | 109.2 | 145.2 |

*(Nguồn: Cục Thống kê các tỉnh của vùng Tây Nguyên, 2016 và 2022)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5.** **Phát triển du lịch** | | |
| **a) Thế mạnh và hạn chế** | Thế mạnh | Có nhiều thế mạnh để phát triển du lịch:  - Tài nguyên DL: tự nhiên và văn hóa.  - CSVC-KT, CSHT: đang được chú trọng đầu tư phục vụ du lịch. |
| Hạn chế | - Thiên tai, điều kiện CSHT GT hạn chế gây khó khăn phát triển DL. |
| **b) Hiện trạng phát triển** | | - Số lượng khách ngày càng tăng  - Các loại hình du lịch chủ yếu: DL sinh thái, DL văn hóa, DL cộng đồng, DL nghỉ dưỡng.  - Một số điểm DL nổi tiếng (kể tên) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí**  **(điểm số đánh giá trên thang điểm 5)** | **Nhóm**…. |
| 1 | Nội dung đầy đủ, rõ ràng, súc tích |  |
| 2 | Tính thuyết phục |  |
| 3 | Trình bày lưu loát, đúng thời gian |  |
| 4 | Có sự phối hợp các thành viên. |  |

